UBND TỈNH LAI CHÂU **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3476 /BC-STP	*Lai Châu, ngày 19 tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Quyết định ban hành Danh mục đơn vị hành chính cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, Sở Tư pháp đã tiến hành đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Quyết định ban hành Danh mục đơn vị hành chính cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến các quan hệ xã hội

Luật Công chứng số 46/2024/QH15 quy định Văn phòng công chứng về nguyên tắc được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh; tại địa bàn đáp ứng các điều kiện theo quy định thì được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tiêu chí tại khoản 1 Điều 23 Luật Công chứng và quy định pháp luật có liên quan để ban hành danh mục địa bàn được thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 3961/BTP-BTTP ngày 03/7/2025 của Bộ Tư pháp trong đó hướng dẫn việc xác định địa bàn này theo đơn vị hành chính cấp xã.

Ngày 23/4/2026, Quốc hội ban hành Luật số 04/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2027. Khoản 8 Điều 1 Luật số 04/2026/QH16 sửa đổi khoản 1 Điều 23 Luật Công chứng theo hướng quy định trực tiếp: tại đơn vị hành chính cấp xã có mật độ dân số thấp, cơ sở hạ tầng, dịch vụ chưa phát triển và khó khăn trong việc thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh thì được thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân; đồng thời giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục đơn vị hành chính cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân tại địa phương mình.

Lai Châu là tỉnh miền núi, dân cư phân bố không đồng đều, nhiều xã có diện tích tự nhiên lớn nhưng quy mô dân số thấp, địa hình chia cắt, khoảng cách tiếp cận các dịch vụ chuyên môn còn xa. Việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp làm thay đổi danh sách địa bàn được sử dụng để áp dụng mô hình Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Trong bối cảnh đó, việc đánh giá thực trạng từng đơn vị hành chính cấp xã là cần thiết để bảo đảm danh mục được ban hành phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh và có thể thực hiện ngay khi Luật số 04/2026/QH16 có hiệu lực.

Qua rà soát, không xác định yếu tố quốc tế hoặc điều ước quốc tế có tác động trực tiếp đến việc xác định danh mục đơn vị hành chính cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân tại tỉnh Lai Châu.

2. Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến quan hệ xã hội

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra yêu cầu xây dựng pháp luật bám sát thực tiễn, bảo đảm tính hệ thống, khả thi và tổ chức thi hành kịp thời, hiệu quả. Việc rà soát thực trạng, sử dụng số liệu của các xã, phường và đánh giá theo các tiêu chí do Luật Công chứng quy định là phù hợp với yêu cầu này.

Chính sách của Nhà nước đối với quan hệ xã hội được đánh giá thể hiện trực tiếp tại Luật Công chứng số 46/2024/QH15, Nghị định số 104/2025/NĐ-CP và Luật số 04/2026/QH16. Theo đó, mô hình công ty hợp danh là mô hình tổ chức, hoạt động thông thường của Văn phòng công chứng; mô hình doanh nghiệp tư nhân được áp dụng tại các đơn vị hành chính cấp xã có mật độ dân số thấp, cơ sở hạ tầng, dịch vụ chưa phát triển và khó khăn trong việc thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh. Việc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục nhằm bảo đảm việc áp dụng mô hình doanh nghiệp tư nhân sát với điều kiện thực tế tại từng địa phương.

II. THỰC TRẠNG QUAN HỆ XÃ HỘI

1. Quan hệ xã hội chưa có pháp luật điều chỉnh liên quan đến dự thảo

Quan hệ xã hội cần được quy định cụ thể tại địa phương là việc xác định những đơn vị hành chính cấp xã nào trên địa bàn tỉnh Lai Châu được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Pháp luật trung ương đã quy định nguyên tắc, tiêu chí và thẩm quyền quyết định danh mục, nhưng không xác định cụ thể danh sách đơn vị hành chính cấp xã

của từng tỉnh. Đến nay, tỉnh Lai Châu chưa có văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định danh mục này theo đơn vị hành chính cấp xã.

Nguyên nhân chủ yếu là khung pháp lý về mô hình Văn phòng công chứng theo Luật Công chứng năm 2024 mới có hiệu lực từ ngày 01/7/2025; việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp làm thay đổi cách xác định địa bàn từ cấp huyện sang cấp xã; đồng thời Luật số 04/2026/QH16 tiếp tục sửa đổi, quy định trực tiếp tiêu chí và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ ngày 01/01/2027. Vì vậy, cần có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh để cụ thể hóa danh mục áp dụng tại Lai Châu.

1.1. Đặc điểm địa bàn, dân cư, hạ tầng và dịch vụ có liên quan

Theo Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, toàn tỉnh có 38/38 xã, phường thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có 03 xã, phường khu vực I, 03 xã khu vực II và 32 xã khu vực III. Theo Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 12/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, tỉnh có 616 thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó 399 thôn đặc biệt khó khăn, chiếm khoảng 64,8%.

Kết quả phân định xã khu vực I, khu vực II, khu vực III giai đoạn 2026–2030 được sử dụng để tham khảo, đối chiếu với các thông tin, số liệu về điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa bàn. Việc đề xuất Danh mục không được xác định chỉ trên cơ sở phân loại khu vực mà phải căn cứ vào kết quả đánh giá tổng hợp các tiêu chí theo quy định của Luật Công chứng.

1.2. Thực trạng tổ chức hành nghề công chứng và nguồn nhân lực công chứng

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Lai Châu có 02 tổ chức hành nghề công chứng và cả 02 tổ chức đều đặt tại phường Tân Phong. Mỗi tổ chức có 02 công chứng viên đang hành nghề, tổng số toàn tỉnh là 04 công chứng viên. Ngoài phường Tân Phong không có tổ chức hành nghề công chứng hoặc công chứng viên hành nghề. Trong khoảng 03 năm gần đây, Sở Tư pháp không tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng tại các địa bàn ngoài phường Tân Phong.

Thực trạng nêu trên cho thấy mạng lưới cung ứng dịch vụ công chứng của tỉnh tập trung tại một địa bàn; nguồn nhân lực công chứng rất hạn chế. Để thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh cần có tối thiểu 02 công chứng viên hợp danh theo mô hình luật định. Trong điều kiện toàn tỉnh chỉ có 04 công chứng viên đều đang hành nghề tại 02 tổ chức ở Tân Phong, việc thu

hút, bố trí đủ công chứng viên để hình thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh tại các xã xa trung tâm có khó khăn rõ rệt. Việc nhiều năm không phát sinh hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng ngoài Tân Phong là dữ kiện thực tế hỗ trợ trực tiếp cho việc đánh giá tiêu chí khó khăn trong thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh.

1.3. Thực trạng nhu cầu giao dịch, chứng thực tại cơ sở

Số liệu do các xã, phường cung cấp theo Công văn số 1302/STP-BTTP ngày 14/5/2026 của Sở Tư pháp phản ánh nhu cầu thực tế đối với các giao dịch, giấy tờ có tính chất gần với nhu cầu công chứng như giao dịch về động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở, di chúc, từ chối nhận di sản và phân chia di sản. Khối lượng phát sinh giữa các địa bàn có sự chênh lệch lớn; một số xã có số lượng giao dịch đáng kể nhưng chưa có tổ chức hành nghề công chứng tại địa bàn. Số liệu này được sử dụng để kiểm chứng nhu cầu và mức độ cần thiết của việc tạo điều kiện phát triển tổ chức hành nghề công chứng.

2. Lý do cần có quy định của pháp luật để điều chỉnh quan hệ xã hội

Việc ban hành Quyết định là cần thiết vì pháp luật giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục cụ thể tại địa phương, trong khi các tiêu chí của Luật chỉ là tiêu chí khung và không tự xác định xã nào của Lai Châu thuộc phạm vi áp dụng. Nếu không có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì không có căn cứ pháp lý cụ thể để xem xét cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân tại từng đơn vị hành chính cấp xã đáp ứng điều kiện.

Quyết định cần được soạn thảo trình và ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm Luật số 04/2026/QH16 có hiệu lực từ ngày 01/01/2027, qua đó bảo đảm triển khai kịp thời nội dung được Luật giao quy định chi tiết, tránh khoảng trống trong tổ chức thực hiện, tạo điều kiện phát triển mạng lưới tổ chức hành nghề công chứng ở các địa bàn khó thu hút mô hình công ty hợp danh, đồng thời góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ công chứng của người dân, tổ chức.

Bên cạnh mục tiêu tạo điều kiện phát triển mạng lưới tổ chức hành nghề công chứng và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân, việc hình thành thêm Văn phòng công chứng còn có ý nghĩa đối với cải cách hành chính và giảm tải công việc cho chính quyền cấp xã. Pháp luật về công chứng cho phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng khi đáp ứng các điều kiện theo quy định. Khi mạng lưới tổ chức hành nghề công chứng được mở rộng, phân bố hợp lý và hoạt động ổn định, việc chuyển giao có thể tạo thêm kênh cung ứng dịch vụ ngoài cơ quan hành chính nhà nước đối với các giao dịch về động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở, di chúc, từ chối nhận di sản, phân chia di sản

và các giao dịch khác thuộc phạm vi pháp luật cho phép; qua đó góp phần giảm khối lượng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã, dành nguồn lực cho các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác. Việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực là nội dung được xem xét, quyết định riêng theo điều kiện và trình tự pháp luật quy định; việc ban hành Danh mục này không làm phát sinh việc chuyển giao một cách tự động.

3. Thẩm quyền ban hành các quy định của pháp luật để điều chỉnh quan hệ xã hội

Khoản 8 Điều 1 Luật số 04/2026/QH16 sửa đổi khoản 1 Điều 23 Luật Công chứng và giao trực tiếp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục đơn vị hành chính cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân tại địa phương mình. Trong giai đoạn hiện hành, khoản 1 Điều 17 Nghị định số 104/2025/NĐ-CP cũng giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành danh mục trên cơ sở tiêu chí của Luật Công chứng.

Điểm a khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có thẩm quyền ban hành Quyết định quy định danh mục nêu trên theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật.

4. Những nội dung khác

4.1. Nguồn thông tin, số liệu và phương pháp đánh giá

Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở: (i) báo cáo của 38 xã, phường theo Công văn số 1302/STP-BTTP ngày 14/5/2026 và đợt rà soát, bổ sung của Sở Tư pháp, gồm diện tích tự nhiên, quy mô dân số, mật độ dân số, thành phần dân tộc, thu nhập bình quân đầu người và số lượng hồ sơ chứng thực; (ii) số liệu quản lý nhà nước của Sở Tư pháp về tổ chức hành nghề công chứng và công chứng viên; (iii) kết quả phân định xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP và các văn bản công bố có liên quan; (iv) Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 12/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030; và (v) tham khảo thực tiễn xây dựng danh mục của một số địa phương đã ban hành quyết định tương tự.

Luật không quy định một ngưỡng số học cụ thể để xác định "mật độ dân số thấp" hoặc "dịch vụ chưa phát triển". Vì vậy, Báo cáo không tự đặt ngưỡng loại trừ mà đánh giá tổng hợp ba nhóm tiêu chí pháp lý. Số liệu về mật độ dân số, thu

nhập, nhu cầu giao dịch, thực trạng tổ chức hành nghề công chứng và công chứng viên được sử dụng để đánh giá từng địa bàn; kết quả phân định xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 chỉ được sử dụng để tham khảo, đối chiếu thêm về điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng và dịch vụ, không phải là căn cứ duy nhất để xác định Danh mục.

4.2. Đánh giá theo các tiêu chí tại khoản 1 Điều 23 Luật Công chứng

4.2.1. Tiêu chí về mật độ dân số thấp

Qua tổng hợp báo cáo của 38 xã, phường, phần lớn các địa bàn dự kiến đưa vào Danh mục có mật độ dân số thấp trong tương quan với điều kiện chung của tỉnh và thấp hơn đáng kể so với mật độ bình quân cả nước.

4.2.2. Tiêu chí về cơ sở hạ tầng, dịch vụ chưa phát triển

Việc đánh giá tiêu chí "cơ sở hạ tầng, dịch vụ chưa phát triển" được thực hiện trên cơ sở tổng hợp thông tin, số liệu của từng địa bàn; trong đó kết quả phân định xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 được sử dụng để tham khảo, đối chiếu. Đối với 32 xã khu vực III, kết quả phân định cho thấy nhiều yếu tố khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng và dịch vụ. Đối với các xã Than Uyên, Mường Than, Tân Uyên, Bình Lư và phường Đoàn Kết, mặc dù thuộc khu vực I hoặc khu vực II, việc xem xét đưa vào Danh mục được đánh giá tổng hợp về dân cư, điều kiện kinh tế - xã hội, nhu cầu giao dịch, thực trạng mạng lưới công chứng và tính khả thi của chính sách; phân loại khu vực không phải căn cứ duy nhất. Qua rà soát, có cơ sở để xem xét 05 địa bàn này cùng với 32 xã khu vực III khi xác định Danh mục.

4.2.3. Tiêu chí về khó khăn trong việc thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh

Tiêu chí về khó khăn trong việc thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh được thể hiện rõ đối với 37 đơn vị hành chính cấp xã dự kiến đưa vào Danh mục: hiện không có tổ chức hành nghề công chứng, không có công chứng viên hành nghề tại các địa bàn này; tổng nguồn nhân lực công chứng của tỉnh chỉ có 04 công chứng viên và đều đang hành nghề tại 02 tổ chức đặt tại phường Tân Phong; trong khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng tại các địa bàn ngoài phường Tân Phong. Thực trạng nguồn nhân lực, mạng lưới tổ chức hành nghề công chứng và tình hình phát sinh hồ sơ thành lập mới là cơ sở thực tiễn quan trọng để đánh giá việc hình thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh tại 37 địa bàn này còn gặp khó khăn. Riêng phường Tân Phong là địa bàn thành phố Lai Châu trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, có điều kiện cơ sở hạ tầng, dịch vụ tương đối phát

triển; đồng thời 02 tổ chức hành nghề công chứng hiện có đều đặt tại phường Tân Phong, nên không đề xuất đưa phường Tân Phong vào Danh mục.

4.3. Kết quả rà soát và thuyết minh lựa chọn địa bàn

Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá tổng hợp các tiêu chí theo quy định của Luật Công chứng và điều kiện thực tế của địa phương, Sở Tư pháp đề xuất đưa 37 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 36 xã và phường Đoàn Kết) vào Danh mục đơn vị hành chính cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Các địa bàn này hiện chưa có tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên hành nghề tại địa bàn; nguồn nhân lực công chứng của tỉnh còn hạn chế, toàn tỉnh chỉ có 04 công chứng viên đang hành nghề tại 02 tổ chức hành nghề công chứng thuộc địa phận phường Tân Phong; trong khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng tại các địa bàn ngoài phường Tân Phong. Đồng thời, qua đánh giá các thông tin về số liệu dân cư, điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng, dịch vụ và nhu cầu giao dịch của người dân với quy định tại Khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng có cơ sở để xem xét việc cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân tại 37 đơn vị này, qua đó tạo điều kiện phát triển mạng lưới tổ chức hành nghề công chứng và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ công chứng của người dân.

Đối với phường Đoàn Kết, Sở Tư pháp đề xuất đưa vào Danh mục do hiện chưa có tổ chức hành nghề công chứng hoặc công chứng viên hành nghề; việc đưa vào Danh mục tạo thêm dư địa thu hút đầu tư, phát triển mạng lưới công chứng và tạo điều kiện chuyển giao thẩm quyền chứng thực khi đủ điều kiện. Riêng Tân Phong không đề xuất đưa vào Danh mục vì đang đặt toàn bộ 02 tổ chức hành nghề công chứng và 04 công chứng viên của tỉnh, đồng thời có điều kiện cơ sở hạ tầng, dịch vụ tương đối phát triển.

Đối với 37 địa bàn được đề xuất đưa vào Danh mục, việc đưa vào Danh mục không đồng nghĩa với việc bắt buộc phải thành lập Văn phòng công chứng tại từng địa bàn mà nhằm tạo cơ sở pháp lý để công chứng viên có nhu cầu, đáp ứng điều kiện theo quy định được lựa chọn thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân tại các địa bàn phù hợp. Danh mục cũng tạo dư địa lựa chọn địa bàn có khả năng thu hút đầu tư, có nhu cầu giao dịch thực tế, qua đó nâng cao tính khả thi của chính sách, tránh trường hợp Danh mục chỉ tập trung vào các địa bàn đặc biệt khó khăn nhưng không đủ sức hấp dẫn để hình thành tổ chức hành nghề công chứng trên thực tế.

Kết quả đánh giá chi tiết từng xã, phường được thể hiện tại Phụ lục 02 kèm theo Báo cáo này.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị thống nhất phương án đưa 37 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 36 xã và phường Đoàn Kết) trên địa bàn tỉnh vào Danh mục đơn vị hành chính cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân; không đưa phường Tân Phong vào Danh mục.

2. Đề nghị dự thảo Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/01/2027, đồng thời với Luật số 04/2026/QH16, để bảo đảm thực hiện kịp thời nội dung được Luật giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Sau khi Quyết định có hiệu lực, giao Sở Tư pháp theo dõi tình hình phát triển tổ chức hành nghề công chứng, số lượng công chứng viên và nhu cầu công chứng tại các địa bàn; định kỳ hoặc khi có biến động lớn về đơn vị hành chính, dân cư, hạ tầng, dịch vụ hoặc mạng lưới tổ chức hành nghề công chứng thì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh danh mục.

Trên đây là Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Quyết định ban hành Danh mục đơn vị hành chính cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- UBND cấp xã;
- Các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, BTTP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH LAI CHÂU

Nguyễn Thị Nhàn

PHỤ LỤC 01

RÀ SOÁT CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STP ngày tháng năm 2026 của Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo

CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị yêu cầu công tác xây dựng pháp luật bám sát thực tiễn, bảo đảm tính hệ thống, khả thi và tổ chức thi hành kịp thời, hiệu quả.	Dự thảo xác định danh mục đơn vị hành chính cấp xã trên cơ sở số liệu thực tế, tiêu chí của Luật Công chứng và điều kiện mạng lưới tổ chức hành nghề công chứng của tỉnh.	Dự thảo không trực tiếp quy phạm hóa một chính sách cụ thể của Nghị quyết số 66-NQ/TW, nhưng phương pháp rà soát, đánh giá thực tiễn và yêu cầu bảo đảm tính khả thi phù hợp với tinh thần Nghị quyết.	Không đề xuất xử lý riêng; tiếp tục bảo đảm dự thảo bám sát thực tiễn, rõ căn cứ và khả thi khi tổ chức thi hành.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Ban hành Danh mục đơn vị hành chính cấp xã được thành lập VPCC theo loại hình doanh nghiệp tư nhân.	Khoản 1 Điều 23 Luật Công chứng số 46/2024/QH15 và khoản 1 Điều 17 Nghị định số 104/2025/NĐ-CP quy định tiêu chí và giao UBND cấp tỉnh ban hành danh mục địa bàn.	Phù hợp về mục đích, phạm vi và thẩm quyền trong giai đoạn hiện hành.	Tiếp tục sử dụng làm căn cứ trong quá trình xây dựng hồ sơ; cập nhật nếu văn bản được sửa đổi, bổ sung trước khi Quyết định được ban hành.
Danh mục được xác định theo đơn vị hành chính cấp xã và 03 tiêu chí: mật độ dân số thấp; hạ tầng, dịch vụ chưa phát triển; khó khăn thành lập VPCC công ty hợp danh.	Khoản 8 Điều 1 Luật số 04/2026/QH16 sửa đổi khoản 1 Điều 23 Luật Công chứng, quy định trực tiếp 03 tiêu chí và giao UBND cấp tỉnh quyết định danh mục đơn vị hành chính cấp xã; có hiệu lực từ 01/01/2027.	Dự thảo phù hợp và thống nhất với quy định sẽ có hiệu lực từ 01/01/2027.	Quy định hiệu lực của Quyết định từ 01/01/2027 để đồng bộ với Luật số 04/2026/QH16.
UBND tỉnh ban hành Quyết định quy phạm pháp luật để xác định danh mục.	Điểm a khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định UBND cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định chi tiết nội dung được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.	Bảo đảm đúng thẩm quyền và hình thức văn bản.	Tiếp tục thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL theo Luật và các nghị định hướng dẫn.
Quy định ngày có hiệu lực của Quyết định.	Khoản 2 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết.	Việc dự kiến hiệu lực từ 01/01/2027 bảo đảm đồng bộ với Luật số 04/2026/QH16.	Tiếp tục xác định ngày 01/01/2027 là thời điểm có hiệu lực, trừ trường hợp pháp luật có thay đổi trước khi ban hành.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Dự thảo quy định danh mục đơn vị hành chính cấp xã được thành lập VPCC theo loại hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Qua rà soát, không xác định điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có nội dung điều chỉnh trực tiếp việc xác định danh mục này.	Không phát sinh nội dung cần đánh giá về tính tương thích với điều ước quốc tế.	Không đề xuất xử lý.

PHỤ LỤC 02

BẢNG ĐÁNH GIÁ, THUYẾT MINH 38 XÃ, PHƯỜNG

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STP ngày tháng năm 2026 của Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu)

STT	Xã, phường	Khu vực	Mật độ dân số (người/km²)	Thu nhập (triệu đồng/người/năm)	Hồ sơ giao dịch tài sản/di sản	Đánh giá, đề xuất
1	Mường Kim	III	65	39,24	141	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
2	Khoen On	III	56,81	28	25	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
3	Than Uyên	I	203,3	55	1475	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã Thạn Uyên hiện không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong và khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong. Số lượng hồ sơ giao dịch tài sản/di sản là 1.475 hồ sơ, cho thấy nhu cầu giao dịch thực tế tương đối lớn. Mặc dù địa bàn thuộc khu vực I, việc phân loại khu vực chỉ là thông tin tham khảo, không phải tiêu chí loại trừ theo Luật Công chứng; qua đánh giá tổng hợp, có cơ sở xem xét đưa xã vào Danh mục để tạo điều kiện thu hút thành lập VPCC theo loại hình doanh nghiệp tư nhân và nâng cao tính khả thi của chính sách.
4	Mường Than	II	89,5	49,5	346	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã Mường Than hiện không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong và khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong. Địa bàn phát sinh 346 hồ sơ giao dịch tài sản/di sản. Mặc dù thuộc khu vực II, việc xác định Danh mục được thực hiện trên cơ sở đánh giá tổng hợp các tiêu chí của Luật Công chứng, không căn cứ riêng vào phân loại khu vực; do đó có cơ sở xem xét đưa xã vào Danh mục.
5	Pắc Ta	III	63,9	36	171	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
6	Nậm Sỏ	III	40,71	26,016*	33	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
7	Tân Uyên	II	162	57	171	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã Tân Uyên hiện không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong và khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong. Địa bàn phát sinh 171 hồ sơ giao dịch tài sản/di sản. Mặc dù thuộc khu vực II và có mật độ dân số, thu nhập cao hơn một số xã khác, việc đưa vào Danh mục tạo thêm dư địa lựa chọn địa bàn có khả năng thu hút đầu tư, qua đó nâng cao tính khả thi của chính sách; qua đánh giá tổng hợp, có cơ sở xem xét đưa xã vào Danh mục.
8	Mường Khoa	III	75,5	38	20	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
9	Bản Bo	III	94,19	38,5	111	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV

STT	Xã, phường	Khu vực	Mật độ dân số (người/km²)	Thu nhập (triệu đồng/người/năm)	Hồ sơ giao dịch tài sản/di sản	Đánh giá, đề xuất
						đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
10	Bình Lư	II	104	46	178	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã Bình Lư hiện không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong và khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong. Địa bàn phát sinh 178 hồ sơ giao dịch tài sản/di sản. Mặc dù thuộc khu vực II, việc xác định Danh mục được thực hiện trên cơ sở đánh giá tổng hợp các tiêu chí của Luật Công chứng và yêu cầu bảo đảm tính khả thi, khả năng thu hút thành lập tổ chức hành nghề công chứng; do đó có cơ sở xem xét đưa xã vào Danh mục.
11	Tả Lèng	III	98,35	25,404*	8	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
12	Khun Há	III	63,5	38	14	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
13	Sin Suối Hồ	III	64,53	31,68	41	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
14	Phong Thổ	III	86	43,824	355	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
15	Dào San	III	117,44	24,5	31	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong. Mật độ báo cáo cao hơn một số xã khu vực III nhưng vẫn ở mức thấp so với bình quân cả nước; các chỉ báo khó khăn về hạ tầng, dịch vụ được phản ánh qua phân định khu vực III.
16	Si Lở Lầu	III	110	28,35	3	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong. Mật độ báo cáo cao hơn một số xã khu vực III nhưng vẫn ở mức thấp so với bình quân cả nước; các chỉ báo khó khăn về hạ tầng, dịch vụ được phản ánh qua phân định khu vực III.
17	Khổng Lào	III	143,27	25,8	124	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong. Mật độ báo cáo tương đối cao trong nhóm xã khu vực III nhưng vẫn thấp hơn mức bình quân cả nước; thu nhập báo cáo thấp và địa bàn thuộc khu vực III.
18	Tủa Sín Chải	III	50	24,5	39	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
19	Sìn Hồ	III	85	40	155	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.

STT	Xã, phường	Khu vực	Mật độ dân số (người/km²)	Thu nhập (triệu đồng/người/năm)	Hồ sơ giao dịch tài sản/di sản	Đánh giá, đề xuất
20	Nậm Tăm	III	63	31,98	47	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
21	Hồng Thu	III	75	31	5	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
22	Pu Sam Cáp	III	78,7	37,5	24	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
23	Nậm Cuổi	III	63	31	13	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
24	Nậm Mạ	III	58	27,8	2	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
25	Lê Lợi	III	37,4	27	29	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
26	Nậm Hàng	III	3,09	33,9	238	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
27	Mường Mô	III	19	30	10	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
28	Hua Bum	III	16,14	31	24	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
29	Pa Tần	III	28,4	30	38	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
30	Bum Nưa	III	23	39,24	17	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
31	Bum Tở	III	30,4	38,24	293	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.

STT	Xã, phường	Khu vực	Mật độ dân số (người/km²)	Thu nhập (triệu đồng/người/năm)	Hồ sơ giao dịch tài sản/di sản	Đánh giá, đề xuất
32	Mường Tè	III	21,7	34,7	31	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
33	Thu Lũm	III	21,4	24,75	0	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
34	Pa Ủ	III	14,5	21	0	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
35	Tân Phong	I	346	59	31	Không đề nghị đưa vào danh mục. Phường Tân Phong thuộc địa bàn thành phố Lai Châu trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, là khu vực đô thị trung tâm, có điều kiện cơ sở hạ tầng và dịch vụ tương đối phát triển; đồng thời hiện là nơi đặt toàn bộ 02/02 TCHNCC và 04/04 CCV đang hành nghề của tỉnh. Vì vậy, chưa có cơ sở xác định phường Tân Phong thuộc trường hợp có cơ sở hạ tầng, dịch vụ chưa phát triển và khó khăn trong việc thành lập VPCC theo loại hình công ty hợp danh.
36	Đoàn Kết	I	173	63,396*	34	Đề nghị đưa vào danh mục. Phường Đoàn Kết hiện chưa có tổ chức hành nghề công chứng hoặc công chứng viên hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 tổ chức hành nghề công chứng và 04 công chứng viên đều đặt tại phường Tân Phong; trong khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng tại các địa bàn ngoài phường Tân Phong. Mặc dù phường thuộc khu vực I, là địa bàn đô thị và có điều kiện cơ sở hạ tầng, dịch vụ thuận lợi hơn nhiều xã khác, việc phân loại khu vực không phải là tiêu chí loại trừ theo Luật Công chứng. Việc đưa phường Đoàn Kết vào Danh mục tạo thêm dư địa lựa chọn địa bàn có khả năng thu hút đầu tư, phát triển thêm tổ chức hành nghề công chứng, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ và tạo điều kiện cho việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực khi đáp ứng điều kiện theo quy định.
37	Xã Mù Cả	III	8,42	26,82	0	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.
38	Tà Tổng	III	16,38	37	4	Đề nghị đưa vào danh mục. Xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) theo hệ thống phân định vùng DTTS&MN; không có TCHNCC/CCV hành nghề tại địa bàn; toàn tỉnh chỉ có 02 TCHNCC, 04 CCV đều tập trung tại phường Tân Phong; khoảng 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ đề nghị thành lập VPCC ngoài Tân Phong.